

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1344/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 26 tháng 7 năm 2021  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)

CHƯƠNG TRÌNH/PROGRAMME: TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO/LEVEL OF EDUCATION:	CỬ NHÂN NGÂN HÀNG /BACHELOR OF BANKING ĐẠI HỌC/UNDERGRADUATE
NGÀNH ĐÀO TẠO/MAJOR:	NGÂN HÀNG (BANKING)
MÃ NGÀNH/CODE:	
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO/TYPE OF EDUCATION:	CHÍNH QUY/FULL - TIME
NGÔN NGỮ ĐÀO TẠO/LANGUAGE	TIẾNG VIỆT/VIETNAMESE
THỜI GIAN ĐÀO TẠO/DURATION TIME	4 NĂM/ 4 YEARS

### 1. MỤC TIÊU

#### 1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngân hàng hướng tới mục tiêu đào tạo cử nhân Ngân hàng có phẩm chất chính trị vững vàng, có đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

- *Về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:* đạt chuẩn đầu ra theo quy định tại Thông tư 07/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- *Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp:* Sau khi tốt nghiệp ra trường, cử nhân ngành ngân hàng có nhiều cơ hội nghề nghiệp tại các tổ chức với môi trường làm việc năng động, quốc tế hóa, gồm: (i) Các ngân hàng trong và ngoài nước như ngân hàng thương mại, ngân hàng phát triển, ngân hàng chính sách xã hội, ngân hàng hợp tác xã; (ii) Các định chế tài chính trung gian như công ty tài chính, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, tổ chức tài chính vi mô, quỹ tín dụng nhân dân...; (iii) Các cơ quan quản lý nhà nước về Tài chính - Ngân hàng từ trung ương đến địa phương như: Ngân hàng Nhà nước, Bộ/Sở Tài chính; Bộ/ Sở Kế hoạch Đầu tư...; (iv) Các công ty khởi nghiệp (Startup); (v) Các Viện nghiên cứu, trường đại học trong và ngoài nước; (vi) Các doanh nghiệp kinh doanh khác trên thị trường.

- *Trình độ ngoại ngữ và tin học:* đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

## 2. CHUẨN ĐẦU RA

CDR	Mô tả	Mã CDR
<b>Chuẩn đầu ra về kiến thức</b>	Áp dụng các kiến thức lý thuyết và thực tiễn về kinh tế, kinh doanh và hệ thống tài chính;	CDR 1
	Phân tích hoạt động nghiệp vụ, quản trị và quản lý của các định chế tài chính, trong đó tập trung vào các tổ chức tín dụng;	CDR 2
	Hiểu biết các kiến thức về pháp luật và quy định của ngành ngân hàng;	CDR 3
	Đánh giá các chủ đề tài chính ngân hàng trong nước và thế giới thông qua các phương pháp phân tích định lượng và định tính.	CDR 4
	Hiểu biết về thế giới quan và phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Đảng Cộng sản Việt Nam, và tư tưởng Hồ Chí Minh.	CDR 5
<b>Chuẩn đầu ra về kỹ năng</b>	Có các kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng làm việc nhóm năng động và đa dạng; các kỹ năng giao tiếp bằng văn bản, viết báo cáo và thuyết trình chuyên môn liên quan tới chiến lược, kế hoạch và thực thi các mảng hoạt động; có đủ kiến thức về giáo dục thể chất và quốc phòng theo yêu cầu.	CDR 6
<b>CDR Ngoại ngữ</b>	Chuẩn đầu ra tin học (chứng chỉ tin học quốc tế MOS/IC3/ICLD) theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.	CDR 7
<b>CDR Tin học</b>	Chuẩn đầu ra ngoại ngữ (chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS 5.5 và tương đương) theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.	CDR 8
<b>Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm</b>	Biết tuân thủ quy tắc, quy định của cơ quan, tổ chức, địa phương và các quy định của luật pháp. Có năng lực tự học tập, nghiên cứu bồi dưỡng để nâng cao trình độ. Có ý thức thực thi đầy đủ trách nhiệm công dân và các nhiệm vụ được giao	CDR 9

## 3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 129 tín chỉ

**4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:** Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

**5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO,  
ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:**

Theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

**6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ:**

Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ

**7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH**

**7.1. Cấu trúc cơ bản**

**Bảng 1. Các khối kiến thức trong CTĐT**

Kiến thức	Số TC	Ghi chú
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>44</b>	
1.1. Các học phần chung	20	Khoa học chính trị và Ngoại ngữ
1.2. Các học phần của Trường	12	4 HP chung của Trường
1.3. Các học phần của ngành	12	4 HP chung của lĩnh vực
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>85</b>	
<i>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</i>	<b>15</b>	5 HP chung của nhóm ngành
<i>2.2. Kiến thức ngành</i>	<b>45</b>	
2.2.1. Các học phần bắt buộc	30	
2.2.2. Các học phần tự chọn	15	SV tự chọn 15 tín chỉ (5 học phần)
<i>2.3. Kiến thức chuyên sâu</i>	<b>15</b>	SV tự chọn 15 tín chỉ (5 học phần)
<i>2.4. Khóa luận tốt nghiệp</i>	<b>10</b>	
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>129</b>	Không kể GDQP&AN và GDTC

**7.2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy**

- Nội dung cần đạt được, khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/Tự học) của từng học phần trong chương trình được mô tả ở đề cương chi tiết mỗi học phần.

- Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy (dự kiến 04 năm/08 học kỳ, mỗi học kỳ 12-18 tín chỉ) được mô tả theo bảng dưới đây:

**Bảng 2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy**

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Ngân hàng)	Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>		<b>44</b>		
	<i>1.1. Các học phần chung</i>		<b>20</b>		

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Ngân hàng)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
1	1	Triết học Mác - Lê Nin Marxist-Leninist Philosophy	LLNL1105	3	I	
2	2	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin Political Economics of Marxism and Leninism	LLNL1106	2	II	LLNL1105
3	3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	LLNL1107	2	II	LLNL1105
4	4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Communist Party History	LLDL1102	2	III	LLNL1105
5	5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LLTT1101	2	III	LLNL1105
	6	Ngoại ngữ Foreign Language	NNKC	9	I-II-III	
	7	Giáo dục Thể chất Physical Education	GDTC	4		
	8	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Military Education	GDQP	8- 11		
<b>1.2. Các học phần của Trường</b>				<b>12</b>		
7	1	Kinh tế Vi mô 1 Microeconomics 1	KHMI1101	3	I	
8	2	Kinh tế Vĩ mô 1 Macroeconomics 1	KHMA1101	3	II	
9	3	Pháp luật Đại cương Fundamentals of Laws	LUCS1129	3	I	
10	4	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics	TOCB1110	3	I	
<b>1.3. Các học phần của ngành</b>				<b>12</b>		
11	1	Lý thuyết tài chính tiền tệ 1 Monetary and Financial Theories 1	NHLT 1101	3	III	KHMI1101 KHMA1101
12	2	Quản lý học 1 Essentials of Management 1	QLKT1101	3	III	KHMI1101 KHMA1101
13	3	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	KTKE1101	3	III	KHMI1101 KHMA1101
14	4	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh Business Statistics	TKKD1129	3	III	KHMI1101 KHMA1101
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>				<b>82</b>		
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>				<b>15</b>		
15	1	Tài chính doanh nghiệp 1 Corporate Finance 1	NHTC1104	3	IV	NHLT 1101
16	2	Ngân hàng thương mại 1 Commercial Bank 1	NHTM1102	3	IV	NHLT 1101
17	3	Quản trị rủi ro Risk Management	NHTM1114	3	V	NHTM1102 TOKT1145
18	4	Nguyên lý bảo hiểm Insurance Principles	BHKT1118	3	IV	NHLT 1101
19	5	Lý thuyết xác suất và thống kê toán Probability and Mathematical Statistics	TOKT1145	3	II	KHMA1101

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Ngân hàng)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	<b>2.2. Kiến thức ngành</b>			<b>45</b>		
	<b>2.2.1 Các học phần bắt buộc</b>			<b>30</b>		
20	1	Lý thuyết tài chính tiền tệ 2 Monetary and Financial Theories 2	NHLT1103	3	IV	NHLT 1101
21	2	Tiếng Anh ngành Tài chính Ngân hàng English for Banking and Finance	NHTM1103	3	IV	NHLT 1101
22	3	Tài chính quốc tế International Finance	NHQT1107	3	V	NHLT 1101
23	4	Thị trường chứng khoán Stock Market	NHCK1117	3	V	NHLT 1101
24	5	Ngân hàng phát triển Development Banking	NHTM1109	3	VI	NHTM1102
25	6	Ngân hàng thương mại 2 Commercial Banking 2	NHTM1111	3	V	NHTM1102
26	7	Tài chính doanh nghiệp 2 Corporate Finance 2	NHTC1110	3	V	NHTC1104
27	8	Tài chính cá nhân Personal Finance	NHTM1109	3	III	NHLT 1101
28	9	Kế toán ngân hàng Accounting for Banking	NHTM1107	3	VI	NHTM1102
29	10	Tài chính công Public Finance	NHCO1107	3	V	NHLT 1101
	<b>2.2.2 Các học phần tự chọn</b> (SV tự chọn 05 học phần trong tổ hợp)			<b>15</b>		
30 31 32 33	1	Thuế Taxation	NHCO1111	3	VI	NHCO1107
	2	Toán tài chính Financial Mathematics	NHTM1113	3	III	NHLT 1101
	3	Tài chính vi mô Microfinance	NHTM1122	3	VI	NHLT 1101
	4	Phân tích và đầu tư chứng khoán Securities Analysis and Investment	NHCK1106	3	VI	NHCK1117
	5	Phân tích tài chính Financial Analysis	NHTC1108	3	VI	NHTC1104
	6	Ngân hàng trung ương Central Banking	NHLT1106	3	VI	NHLT1103
	7	Chuyên đề Marketing Ngân hàng Banking Services Marketing	NHTM1108	3	VII	NHTM1102
	8	Thanh toán quốc tế International Settlement	NHQT1112	3	VI	NHQT1107
	<b>2.3. Kiến thức chuyên sâu</b> (SV tự chọn 5 học phần trong tổ hợp)			<b>15</b>		
34 35 36 37 38	1	Kinh tế quốc tế International Economics	TMKQ1123	3	VII	KHMI1101 KHMA1101
	2	Kinh doanh quốc tế International Business	TMKD1128	3	VII	KHMI1101 KHMA1101
	3	Pháp luật ngân hàng Laws on Banking	LUKD1187	3	VII	NHTM1102
	4	Đề án Ngân hàng Course Project of Banking	NHTM1123	3	VII	NHTM1102

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Ngân hàng)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	5	Kinh tế lượng 1 Econometrics 1	TOKT1101	3	III	TOKT1145
	6	Kế toán tài chính Financial Accounting	KTTC1105	3	VII	KTKE1101
	7	Quản trị quan hệ khách hàng Customer Relationship Management	MKBH1109	3	VII	KHMI1101 KHMA1101
	8	Hành vi người tiêu dùng Consumer Behavior	MKMA1101	3	VII	KHMI1101 KHMA1101
	9	Kinh tế đầu tư Economics of Investment	DTKT1154	3	VII	KHMI1101 KHMA1101
	10	Định giá bất động sản Real Estate Appraisal	TNBD1127	3	VII	KHMI1101 KHMA1101
<b>39</b>	<b>Khóa luận tốt nghiệp</b> <i>Graduation Thesis</i>		NHTM1128	<b>10</b>	VIII	
	<b>Tổng số tín chỉ</b>			<b>129</b>		

## 8. Hướng dẫn thực hiện

- Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 04 năm, mỗi năm có 02 hoặc 03 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ, phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ.
- Sinh viên nhập học được đăng ký học mặc định trong học kỳ 1, các học kỳ sau sinh viên tự đăng ký học theo kế hoạch giảng dạy của trường. Các học phần được sắp xếp linh hoạt theo từng học kỳ, sinh viên có thể đăng ký học trước hoặc sau các học phần, không bắt buộc theo trình tự của kế hoạch dự kiến nếu đáp ứng các điều kiện của học phần đăng ký.
- Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.
- Nội dung cần đạt được của từng học phần được mô tả trong đề cương chi tiết học phần.
- Khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/Tự học) và cách đánh giá học phần được quy định trong đề cương chi tiết mỗi học phần.
- Điều kiện tốt nghiệp: sinh viên tích lũy đủ khối lượng kiến thức của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra Tin học và Ngoại ngữ, có chứng chỉ GDQP và AN, hoàn thành các học phần GDTC và các quy định khác của trường.

**KT. VIỆN TRƯỞNG**  
**PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

**HIỆU TRƯỞNG**

**TS Đặng Anh Tuấn**

**PGS.TS Phạm Hồng Chương**